

Bản án số: 343/2024/DS-PT

Ngày: 01 - 7 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2024/TLPT-DS ngày 26/4/2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 399/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Tuyết H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ A, Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là: Anh Trần Đình H1, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số nhà B, đường N, Phường B, thành phố C, Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2023).

- *Bị đơn:*

1. **Ngô Thị Thanh N**, sinh năm 1977;

2. **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: **Tổ A, Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị **N** và anh **H2** là: Chị **Nguyễn Thị Thảo T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Số nhà H, đường T, Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2023).*

- *Người kháng cáo: Chị **Ngô Thị Thanh N** và anh **Nguyễn Văn H2** là bị đơn trong vụ án.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Lê Tuyết H** trình bày:

Bà **Ngô Thị Thanh N** có tham gia chơi hụi do bà có làm chủ hụi. Trong quá trình tham gia bà **N** đã hốt hết hụi, chỉ còn nợ lại tiền hụi chết. Sau đó, bà **N** có viết biên nhận cho bà thừa nhận có nợ tiền hụi là 60.000.000 đồng.

Sau đó, bà **N** có tham gia chơi phần hụi 5.000.000 đồng, mở hụi vào ngày 10/7/2018 âm lịch bà **N** có hốt hụi được số tiền 52.600.000 đồng, còn nợ hụi chết là 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà **N** có viết biên nhận thừa nhận có nợ tiền hụi và mượn tiền của bà là 10.310.000 đồng. Đối với biên nhận này bà chỉ yêu cầu bà **N** trả 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà **N** nợ bà là 140.000.000 đồng. Bà **N** có viết giấy hứa trả mỗi năm 15.000.000 đồng cho bà đến khi hết nợ.

Ông **Nguyễn Văn H2** là chồng bà **N**, biết rõ việc bà **N** chơi hụi và tiền hụi bà **N** đem về để làm kinh tế gia đình (Buôn bán tạp hóa).

Sau đó, bà **N** chỉ trả cho bà được số tiền là 1.970.000 đồng.

Hiện nay, bà **N** còn nợ bà 138.030.000 đồng. Số tiền này, bà **N** cũng thừa nhận còn nợ bà theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại tòa án ngày 04/5/2022, bà **N** xin trả mỗi năm cho bà 7.000.000 đồng đến khi trả xong nợ nhưng bà không đồng ý.

Bà **N** cho rằng còn nợ bà số tiền 38.030.000đ bà không thống nhất, bà **N** còn nợ bà số tiền 138.030.000 đồng mới đúng.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Ngô Thị Thanh N** và chồng là ông **Nguyễn Văn H2** có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền còn thiếu là 138.030.000đ, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn:

+ Bà **Ngô Thị Thanh N** trình bày:

Bà thừa nhận có chơi 03 dây hụi mỗi dây 2.000.000đ do bà **H** làm chủ hụi và bà còn nợ bà **H** 54.000.000đ đối với 03 dây hụi này. Đồng thời, bà có tham gia chơi dây hụi 5.000.000đ do bà **H** là chủ hụi và bà đã hốt trước dây hụi này được số tiền 52.600.000đ để trả cho số nợ của 03 dây hụi 2.000.000đ nêu trên nên bà còn nợ bà **H** cụ thể là 7.400.000đ. Bà **H** có cho bà mượn thêm 2.600.000đ để làm tròn số tiền còn thiếu là 10.000.000đ và bà còn nợ bà **H** 70.000.000đ của dây hụi 5.000.000đ. Như vậy, tổng cộng bà còn nợ bà **H** tổng số nợ là 80.000.000đ. Ngày 22/5/2018 ông **H2** là chồng của bà có trả cho bà **H** 40.000.000đ tại nhà bà **H** (Trả không có làm biên nhận). Bà còn nợ lại 40.000.000đ và có trả cho bà **H** 1.970.000đ. Nên tổng cộng bà còn nợ bà **H** là 38.030.000đ và đồng ý trả số tiền này.

Đối với các biên nhận mà bà **H** cung cấp cho Tòa án có chữ ký của bà thì bà thừa nhận, nhưng việc ký vào các biên nhận trên là do bà bị ép buộc, nhận thức kém và không có đọc lại biên nhận, nhưng không có chứng cứ chứng minh.

+ Ông **Nguyễn Văn H2** trình bày:

Đối với việc bà **H** yêu cầu ông liên đới với bà **N** để trả nợ thì ông không đồng ý vì ông không biết gì về việc chơi hụi và vay tiền giữa bà **H** và bà **N**.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Tuyết H** đối với bị đơn **Ngô Thị Thanh N** và **Nguyễn Văn H2**.

Buộc chị **Ngô Thị Thanh N** và anh **Nguyễn Văn H2** có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **Lê Tuyết H** số tiền 138.030.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/8/2023 bà **Ngô Thị Thanh N** và ông **Nguyễn Văn H2** làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo hướng là bà **N** chỉ phải trả cho bà **H** 38.030.000đ. Còn ông **H2** không có nghĩa vụ liên đới với bà **N** trả nợ cho bà **H**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà **N** và ông **Nguyễn Văn H2**. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà **N** phải có nghĩa vụ trả cho bà **H** số tiền 138.030.000đ; Ông **H2** không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ 130.030.000đ cùng với bà **N**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc bà **H** yêu cầu bà **Ngô Thị Thanh N** và ông **Nguyễn Văn H2** liên đới trả cho bà 138.030.000đ là có cơ sở. Bởi vì. Căn cứ vào các biên nhận mà bà **H** cung cấp cho Tòa án thể hiện bà **N** còn nợ tiền vay và tiền hội tổng cộng là 138.030.000đ. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04/5/2022 thể hiện nội dung: “...chị **Ngô Thị Thanh N** đồng ý thừa nhận có nợ số tiền của chị **Lê Tuyết H** là 140.000.000đ và có trả chị **H** được số tiền là 1.970.000đ, hiện nay chị **N** thừa nhận còn nợ lại chị **Lê Tuyết H** số tiền là 138.038.000đ...). Do đó, bà **H** yêu cầu bà **N** trả 138.030.000đ là có căn cứ.

[2] Bà **N** cho rằng bà có nợ bà **H** tổng cộng 80.000.000đ và đã trả được 41.970.000đ nên chỉ còn nợ bà **H** 38.030.000đ. Còn việc bà ký tên vào các biên nhận mà **H** đã cung cấp cho Tòa án là do bà bị bà **H** ép buộc và nhận thức của bà còn kém. Đồng thời, bà không có đọc lại các văn bản nêu trên. Xét lời trình bày của bà **N** không được bà **H** thừa nhận và bà cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với ông **Nguyễn Văn H2** là chồng của bà **Ngô Thị Thanh N**, mặc dù không có tham gia chơi hụi, vay tiền của bà **H** và không có ký tên vào các biên nhận nợ. Nhưng bà **N** thừa nhận việc chơi hụi và vay tiền của bà **H** là để mua hàng bán tạp hóa. Cho thấy, việc làm nêu trên của bà **N** là nhằm lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặt khác, khi biết bà **N** có nợ tiền bà **H** thì ông **H2** đã trả nợ thay cho bà **N** một phần. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông **H2** có nghĩa vụ liên đới với bà **N** trả nợ cho bà **H** là có căn cứ.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà **N** và ông **H2** cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên không chấp nhận.

[4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ một phần như đã nhận định ở trên nên chấp nhận một phần.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà **N** và ông **H2**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên bà **N** và ông **H2** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Ngô Thị Thanh N** và ông **Nguyễn Văn H2**.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Tuyết H** đối với bị đơn **Ngô Thị Thanh N** và **Nguyễn Văn H2**.
4. Buộc bà **Ngô Thị Thanh N** và ông **Nguyễn Văn H2** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Lê Tuyết H** số tiền 138.030.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

+ Bà **Lê Tuyết H** được nhận lại 3.450.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000907, ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà **Ngô Thị Thanh N** và ông **Nguyễn Văn H2** phải liên đới chịu 6.902.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0004262 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Trình **Nguyễn Thị Vĩnh – Nguyễn Thị Võ**

Sỹ Danh Đạt